

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HSST

Ngày : 19-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Sơn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Diện;

Ông Trần Văn Tam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Anh Hào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nông Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/. **Đoàn Văn C**, sinh năm 1985, tại: N; Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 1, thị trấn C huyện C, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn K (đã chết) và con bà Lương Thị N, sinh năm 1952; có vợ Trần Thị T, sinh năm 1989 và 2 con, lớn sinh năm 2010 nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt.

2/. **Đỗ Văn C**, sinh năm 1989, tại: H. Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T (đã chết) và con bà Trần Thị N, sinh năm 1958; có vợ Lục Thị T, sinh năm 1996 và 2 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

3/. **Trần Thị N**, sinh năm 1958; Nơi sinh: H. Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Th (đã chết) và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1934; có chồng Đỗ Văn T (đã chết) và 05 con, lớn nhất sinh năm 1983 nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt.

- Người bị hại:

Anh Phạm Tiến Đ, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Tổ dân phố 9, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/. Chị Đỗ Thị Ngọc H, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Tổ dân phố 9, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

2/. Chị Đỗ Thị Lệ Th, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ dân phố 9, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ ngày 30/7/2017 Lý Văn K gọi điện thoại rủ Đoàn Văn C đi lấy trộm ti vi tại quán cơm ở Tổ dân phố 9, thị trấn C đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, được C đồng ý và thống nhất đến đêm khuya sẽ lấy trộm. Đến 23 giờ 45 phút cùng ngày K điều khiển xe mô tô chở C đi đến quán cơm nhà anh Đ, để xe máy bên phía cổng chào của Tổ dân phố 9, sau đó K trèo hàng rào đột nhập vào bên trong quán cơm lấy trộm ti vi còn C đứng cạnh quán để canh giới. Khoảng 00 giờ 15 ngày 31/7/2017, K lấy trộm được chiếc ti vi hiệu Sam sung màu đen 52in và ôm ti vi đến sát bờ rào, Cầu đến hỗ trợ K đưa ti vi qua hàng rào. Sau đó C chở K cùng chiếc ti vi đi đến nhà của Đỗ Văn C ở Tổ dân phố 5, thị trấn C để bán ti vi cho Đỗ Văn C. Trước khi đi trộm ti vi C đã điện thoại cho Đỗ Văn C hỏi mua ti vi không thì Đỗ Văn C đồng ý mua. Khi K và C đến nhà thì không có Đỗ Văn C ở nhà mà chỉ có mẹ của Đỗ Văn C là Trần Thị N ở nhà một mình. Bà N xem ti vi xong thì gọi điện thoại nói cho Đỗ Văn C biết việc C và K đem ti vi tới bán, Đỗ Văn C nói cứ để ti vi lại mai xem rồi tính. Quá trình thương lượng bà N đồng ý mua ti vi với giá 4.500.000đ và nói C và K để ti vi lại hẹn đến tối Đỗ Văn C về xem rồi trả tiền. Đến khoảng 19 giờ ngày 31 tháng 7 năm 2017 K và C đến nhà bà N để lấy tiền, bà N và Đỗ Văn C đồng ý mua ti vi với giá 4.500.000đ và đưa trước 3.500.000đ, số tiền còn lại 1.000.000đ khoảng 1 tháng sau K và C tiếp tục đến lấy. Số tiền bán ti vi K và C chia đôi mỗi người được 2.250.000đ. Sau khi mua ti vi được một thời gian thì bà N gửi cho con gái là Đỗ Thị N, sinh năm 1983, địa chỉ: xã A, huyện V, Tp Hải Phòng để làm quà mừng tân gia. Trong số tiền trả cho K và C thì Đỗ Văn C góp 1.500.000đ, bà Ngoan góp 1.000.000đ, Đỗ Ngọc H, Đỗ Thị Lệ Th góp mỗi người 1.000.000đ. Khi mua ti vi của K và C bà N và C Đỗ Văn C biết tài sản do trộm cắp mà có nhưng vì hám rẻ nên vẫn mua.

Tại Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: Giá trị chiếc ti vi màn hình phẳng, 52 inch, nhãn hiệu Sam Sung, màu đen đã qua sử dụng tại thời điểm bị xâm hại là 8.000.000đ, Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho anh Phạm Tiến Đ. Sau khi nhận lại tài sản, anh Đức không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì các kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKSCT ngày 07/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố Đoàn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 và truy tố Đỗ Văn C, Trần Thị N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát thay đổi Điều luật truy tố, truy tố Đoàn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố Đỗ Văn C, Trần Thị Nn về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Văn C khai nhận vào khoảng 23 giờ 45 phút ngày 30/7/2017 bị cáo cùng với Lý Văn K lợi dụng đêm khuya vắng để lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Đ trị giá 8.000.000 đồng; bị cáo Đỗ Văn C, Trần Thị N khai nhận các bị cáo có mua 01 ti vi do Lý Văn K, Đoàn Văn C bán với giá 4.500.000 đồng, khi mua tuy bị cáo C và đối tượng K không nói ti vi ở đâu mà có, nhưng tại thời điểm mua là

lúc 00 giờ 15 phút ngày 31, tháng 7/2017 các bị cáo biết rõ đây là tài sản do C và K phạm tội mà có nhưng do ham rẻ nên vẫn mua.

Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện các hành vi cụ thể như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu là đúng, các bị cáo đều không thắc mắc hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau: Tại phiên tòa các bị cáo Đoàn Văn C, Đỗ Văn C, Trần Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại, không có nội dung gì thay đổi, hành vi của bị cáo Đoàn Văn C có đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và hành vi của bị cáo Đỗ Văn C, Trần Thị N có đủ các yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Do đó, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn C từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng; Áp dụng khoản 1 Điều 250, Điều 31 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Văn C, Trần Thị N mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác, người liên quan là chị Đỗ Thị Ngọc H, Đỗ Thị Lệ Th không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đề cập.

Biện pháp tư pháp: áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 buộc bị cáo Đoàn Văn C nộp số tiền 2.250.000đ để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo không tranh luận bào chữa gì trong phần lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng*: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Lâm Đồng và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại nào về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo Đoàn Văn C*: Bị cáo Đoàn Văn C là người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức, bị cáo biết rất rõ việc lợi dụng đêm khuya vắng người thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng khi bị cáo được đối tượng Lý Văn K rủ rê đi trộm cắp tài sản bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo Đoàn Văn C cùng đối tượng Lý Văn K đã chiếm đoạt tài sản trị giá 8.000.000đ nhằm mục đích để bán lấy tiền sử dụng cho nhu cầu cá nhân, đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác và gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đoàn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo qui định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, tuy nhiên điều luật này có qui định mức hình phạt cáo nhất ở khung hình phạt cao nhất là tù chung thân trong khi Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 chỉ qui

định mức hình phạt cáo nhất ở khung cao nhất là 20 năm nên cần áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét có lợi cho bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Văn C và bị cáo Trần Thị N*: Bị cáo Đỗ Văn C và bị cáo Trần Thị N cũng là người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức, các bị cáo không biết rõ nguồn gốc của ti vi mà các bị cáo mua, các bị cáo không hứa hẹn trước với bị cáo C và đối tượng K về việc tiêu thụ tài sản. Tuy nhiên việc mua bán xảy ra vào lúc 00 giờ 15 phút ngày 31/7/2018 ngoài ra các bị cáo là người đã quen biết bị cáo C từ trước và biết rõ hoàn cảnh của bị cáo Đoàn Văn C nên từ đó các bị cáo phải biết rõ nguồn gốc ti vi do bị cáo C và đối tượng K đem bán là tài sản do phạm tội mà có nhưng do ham giá rẻ nên các bị cáo vẫn mua để sử dụng là hành vi trái pháp luật, giúp sức cho Đoàn Văn C và Lý Văn K thực hiện được mục đích của mình. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Đỗ Văn C, Trần Thị N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] *Về tình tiết định khung hình phạt đối với các bị cáo*: Xét hành vi phạm tội của bị cáo Đoàn Văn C không vi phạm vào các tình tiết định khung tăng nặng nào tại Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 cũng như Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên bị cáo Đoàn Văn C chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Hành vi của các bị cáo Đỗ Văn C, Trần Thị N cũng không vi phạm vào các tình tiết định khung tăng nặng nào tại Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nên các bị cáo Đỗ Văn C, Trần Thị N chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] *Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án*: Qua quá trình điều tra và kết quả thẩm vấn tại phiên tòa đã xác định đối tượng Lý Văn K là người rủ rê Đoàn Văn C thực hiện hành vi trộm cắp tuy nhiên hiện nay K đã bỏ trốn. Đoàn Văn C khi được K rủ cũng tích cực thực hiện hành vi trộm cắp và chở ti vi đem bán cho các bị cáo Đỗ Văn C, N vì vậy có mức án cao hơn Đỗ Văn C và N. Hành vi của bị cáo Đỗ Văn C, Trần Thị N có mức độ tham gia như nhau, không có sự bàn bạc phân công từ trước nên đồng phạm ở hình thức giản đơn vì vậy có mức hình phạt như nhau là phù hợp.

[6] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo*: Hành vi của các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo qui định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 cũng như Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại các điểm i, s khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, cũng như các điểm p, h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngoài ra bị cáo Đoàn Văn C được người bị hại bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt còn đối với các bị cáo Đỗ Văn C, Trần Thị N đã tự nguyện khắc phục hậu quả. Vì vậy cần áp dụng cho bị cáo Đoàn Văn C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ qui định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; cho các bị cáo Đỗ Văn C, Trần Thị N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ qui định tại các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xét các bị cáo có việc làm ổn định và có nơi cư trú rõ ràng, đồng thời xét tính chất của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà có thể cho các bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của Chính quyền địa phương và gia đình cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo. Do vậy cần áp dụng hình phạt tù có điều kiện đối với bị

cáo Đoàn Văn C theo qui định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Đỗ Văn C và Trần Thị N theo qui định tại Điều 31 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là phù hợp.

Đối với hình phạt cải tạo không giam giữ người bị kết án phải bị khấu trừ thu nhập từ 5 đến 20%, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo là nông dân lao động ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, thu nhập thấp, không ổn định nên không cần thiết phải áp dụng khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Đỗ Văn C và Trần Thị N.

[7] Trong quá trình điều tra Đoàn Văn C và Đỗ Văn C có khai nhận khoảng tháng 5 năm 2017 Lý Văn K có nhờ C giới thiệu để K bán cho Đỗ Văn C 01 chiếc ti vi hiệu Sony, 42 inch với giá 4.000.000đ. Tuy nhiên Lý Văn K hiện nay đã bỏ trốn vì vậy khi nào bắt được sẽ xử lý sau. Đối với Đỗ Ngọc H, Đỗ Thị Lệ Th có góp tiền cho các bị cáo Đỗ Văn C, N để mua ti vi nhưng khi các bị cáo Đỗ Văn C, N mua ti vi thì H và Th không biết nên không có cơ sở xử lý.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác, người liên quan là chị Đỗ Thị Ngọc H, chị Đỗ Thị Lệ Th không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Biện pháp tư pháp*: Đối với số tiền 2.250.000đ bị cáo Đoàn Văn C có được do bán ti vi cho các bị cáo Đỗ Văn C, N bị cáo Đoàn Văn C đã tiêu xài cá nhân hết, vì vậy cần buộc bị cáo Đoàn Văn C nộp lại để tịch thu để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[10] *Về án phí*: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2]. Áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Văn C 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đoàn Văn C cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo có sự thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án sẽ được thực hiện theo qui định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[3]. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn C, Trần Thị N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[4]. Áp dụng khoản 1 Điều 250; Điều 31; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt:

Bị cáo Đỗ Văn C 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Trần Thị N 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Đỗ Văn C, Trần Thị N cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng để giám sát, giáo dục trong thời thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo có sự thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án sẽ được thực hiện theo qui định tại khoản 3 điều 75 của Luật thi hành án hình sự.

[5]. Biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 buộc bị cáo Đoàn Văn C nộp số tiền 2.250.000đ để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[6]. Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Đoàn Văn C, Đỗ Văn C, Trần Thị N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] . Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THA dân sự huyện C;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hứa Sơn Tùng